

Bản tin thị trường

12.11.2022

Nhận định, tin doanh nghiệp, data talks

Tin Trọng Điểm

Nhận định thị trường

Cổ phiếu quan tâm

Danh mục đầu tư

Tin Doanh Nghiệp

HAG, MPC

Data Talks

Cổ phiếu tăng trưởng

Lịch chia cổ tức



Thị trường kỳ vọng chạm đáy kỹ thuật

Thị trường tăng điểm phiên cuối tuần khoảng 7 điểm và đưa chỉ số Vnindex lên trên ngưỡng 954 trở lại. Dù chỉ số index xanh nhưng số cổ phiếu giảm vẫn chiếm đa số bảng điện và đặc biệt cổ phiếu sàn chiếm đến 90 mã cuối phiên, trong đó có khá nhiều cổ phiếu lớn như DXG, DGC, NKG, PVD.... Nhóm thép tiếp tục khó khăn và giảm sàn ở HSG, NKG trong khi HPG lại xanh nhẹ. Nhóm bất động sản và xây dựng ở một vài cổ phiếu vẫn bị đè sàn khối lượng lớn ở NVL, PDR, LDG, LCG, DRH, DIG, CTD, CII.

Cổ phiếu chứng khoán có được vài mã xanh SSI, VND nhưng HCM, CTS lại giảm sàn và nhiều mã lớn vẫn giảm sâu như VCI, SHS, VIX, FTS ... Cổ phiếu ngân hàng giữ giá tốt hơn và nhiều mã kéo thị trường như ACB, BID, CTG, VCB, OCB, STB. Một số blue chip cũng kéo giá tốt như MSN, POW, VIC, VRE, SAB.

Cho đến cuối tuần qua thị trường vẫn chưa hết bất ổn và giao dịch vẫn còn khó lường. Ít nhất trong ngắn hạn việc tắt dòng tiền ở nhóm bất động sản vẫn sẽ gây tác động chung đến thị trường và nhà đầu tư vẫn cần chờ đến khi điểm nghẽn này được khơi thông thì mới kỳ vọng thị trường giao dịch ổn định trở lại. Quan điểm an toàn nhất là các nhà đầu tư ngắn hạn nên thu hẹp danh mục và nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao hơn và chỉ giải ngân trong khoảng 20%-30% mua thăm dò ở các nhịp điều chỉnh.

Tin Doanh Nghiệp

Lũy kế 10 tháng, mảng chăn nuôi của HAGL mang về 1.136 tỷ đồng doanh thu



CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAGL - Mã: HAG) vừa công bố kết quả kinh tháng 10 với doanh thu đạt 467 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 107 tỷ đồng.

Tháng 10, sản lượng tiêu thụ mảng chăn nuôi đạt 36.644 heo thịt, mang về 214 tỷ đồng, chiếm 46% cơ cấu doanh thu. Mảng cây ăn trái mang về 221 tỷ đồng, chiếm 47% doanh thu với sản lượng tiêu thụ chuối đạt 39.274 tấn, trong đó 11.407 tấn xuất khẩu, còn lại dùng cho sản xuất thức ăn gia súc.

Lũy kế 10 tháng đầu năm, HAGL có doanh thu thuần đạt 3.650 tỷ đồng và 1.001 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Các mảng chăn nuôi và cây ăn trái lần lượt mang về 1.136 tỷ đồng và 1.927 tỷ đồng.

Sản lượng tiêu thụ chuỗi 10 tháng đạt 241.424 tấn, với 139.273 tấn cho xuất khẩu và mảng chăn nuôi tiêu thụ 205.270 heo thịt.

Với kế hoạch 4.820 tỷ đồng doanh thu và 1.120 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế cho năm 2022, HAGL đã thực hiện 76% mục tiêu doanh thu và 89% chỉ tiêu lợi nhuận.

Kết phiên giao dịch ngày 10/11, cổ phiếu HAG chốt ở 7.350 đồng/cổ phiếu. So với đầu tháng 10, giá cổ phiếu HAG đã giảm hơn 40%.

9 tháng 2022, Thủy sản Minh Phú (MPC) hoàn thành 45% kế hoạch lợi nhuận năm

Cụ thể, trong quý III, MPC ghi nhận doanh thu thuần đạt 5.141,27 tỷ đồng, tăng trưởng 85% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó, giá vốn tăng tới 116%, lên 4.343 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận gộp đạt 798,24 tỷ đồng, chỉ tăng 3%. Biên lợi nhuận gộp cũng giảm từ 27,8% xuống 15,5%.

Kỳ này, doanh thu tài chính của Minh Phú giảm nhẹ về 34,42 tỷ đồng, song chi phí tài chính tăng tới 288%, lên 88,5 tỷ đồng. Ngược lại, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm lần lượt 13% và 15%, xuống còn 316,96 tỷ đồng và 66,66 tỷ đồng.

Kết quả, Công ty lãi sau thuế 332,27 tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2021.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, Minh Phú ghi nhận doanh thu thuần đạt 13.871,28 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 573,97 tỷ đồng, lần lượt tăng 56% và 1% so với 9 tháng đầu năm 2021.

Năm 2022, Công ty đã thông qua kế hoạch kinh doanh với doanh thu đạt 21.018 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1.287 tỷ đồng. Như vậy, với kết quả trên, 9 tháng, Minh Phú đã hoàn thành lần lượt 66% và 45% kế hoạch năm.

Tính đến cuối quý III, tổng tài sản doanh nghiệp đạt 10.903,35 tỷ đồng, tăng 14% so với hồi đầu năm. Trong đó, tiền và tương đương tiền tăng 14%, lên 558,4 tỷ đồng; đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 46%, lên 454,5 tỷ đồng; hàng tồn kho cũng tăng 16%, lên 5.179,87 tỷ đồng.

Mặt khác, nợ phải trả cũng tăng 31%, lên 5.325,5 tỷ đồng; riêng vay nợ thuê ngắn hạn và dài hạn còn lần lượt 3.905,47 tỷ đồng và 137,38 tỷ đồng.





Phân tích kỹ thuật



Chỉ số Vnindex đi ngang sau khi chạm vùng hỗ trợ tâm lý quanh 950. Thị trường chưa xác định đáy ngắn hạn vì vậy việc giải ngân mua vào chưa khuyến nghị. Nhà đầu tư có thể lưu ý một số dòng cổ phiếu có lực hấp thụ tốt và đi ngoài xu hướng chung thị trường như CTG, BID, VCB, OCB. Một số cổ phiếu có thể theo dõi chờ tín hiệu mua trong thời gian tới: VCI, FRT, HPG, ACB.



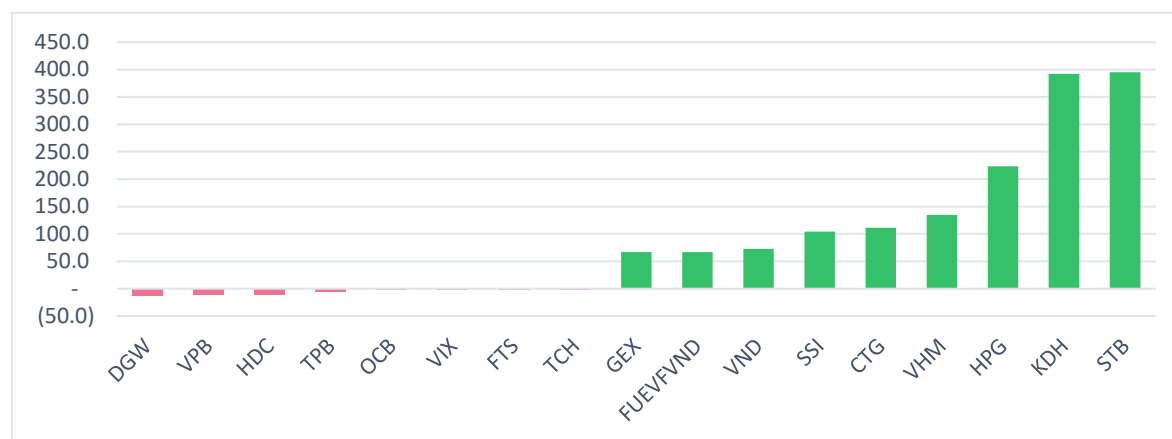
Tổng hợp kết quả kinh doanh 9T.2022

Mã CK	Sàn	Q3/2022	Lợi nhuận +/- Cùng kỳ(%)	Lũy kế 2022	EPS 4 quý	P/E Hiện tại
TCB	HOSE	5,297.97	22.1	16,603.1	6,036	3.5
VPB	HOSE	3,729.88	72.6	15,909.6	4,204	3.7
ACB	HOSE	3,586.99	70.6	10,817.7	4,562	4.3
TPB	HOSE	1,711.62	54.2	4,742.9	4,087	4.9
DGC	HOSE	1,413.95	195.6	4,533.5	24,938	2.9
SAB	HOSE	1,341.94	202.3	4,180.5	8,568	21.1
LPB	HOSE	986.89	61.3	3,842.4	3,456	2.7
PDR	HOSE	717.75	18.1	1,412.4	3,794	12.4
VHC	HOSE	450.21	76.2	1,782.1	12,264	5.3
SSI	HOSE	309.13	(54.7)	1,437.8	2,317	6.5
HSG	HOSE	265.00	(84.4)	1,137.4	4,211	2.8
DHG	HOSE	262.39	30.3	752.3	7,058	12.5
BAB	HNX	228.15	7.0	586.4	994	14.1
NT2	HOSE	198.98	(27.2)	724.1	2,936	8.8
HCM	HOSE	165.09	(48.2)	727.2	2,246	7.7
SCS	HOSE	160.85	32.9	501.3	11,778	6.0
PPC	HOSE	155.07	-	310.4	1,168	12.7
VOS	HOSE	154.12	(17.0)	469.8	3,939	2.8
SHP	HOSE	137.03	3.6	276.5	3,775	7.4
KHP	HOSE	133.79	(40.1)	-	257	32.3
VCI	HOSE	122.68	(62.7)	840.5	3,796	6.2
PHR	HOSE	121.59	(16.2)	467.1	5,195	7.8
MBS	HNX	121.19	(34.1)	441.8	2,290	5.3
ANV	HOSE	119.90	-	567.2	4,883	6.1
IJC	HOSE	119.50	44.5	484.4	2,538	4.8
TNG	HNX	106.17	24.6	231.4	3,221	4.8
CSV	HOSE	101.43	159.4	310.1	8,718	4.2
PGD	HOSE	100.93	19.1	258.9	3,667	7.4
TBC	HOSE	94.49	283.5	247.2	4,266	7.2
CHP	HOSE	94.29	82.6	317.5	3,683	6.6
VND	HOSE	93.48	(84.3)	1,309.8	2,688	4.6
DVP	HOSE	93.47	9.3	229.6	7,205	6.9
TCM	HOSE	91.97	-	219.8	3,278	12.9
SHS	HNX	88.25	(64.2)	-	1,763	3.9
VIX	HOSE	88.09	(40.3)	414.6	1,463	4.6
BTP	HOSE	86.56	374.7	-	2,876	5.1

NTP	HNX	83.83	7.9	410.3	4,400	8.0
EVF	HOSE	78.66	(12.0)	242.7	1,052	7.6
DRC	HOSE	77.09	128.6	226.8	2,645	8.7
FMC	HOSE	76.92	36.1	231.6	5,280	6.8
DPR	HOSE	76.04	10.7	180.5	11,396	4.7
VCF	HOSE	74.80	3.7	265.3	17,490	12.1
SJD	HOSE	73.92	-	145.1	2,772	5.8
HDC	HOSE	72.03	6.1	247.5	3,762	7.9
ORS	HOSE	70.57	137.7	-	986	8.7
PDN	HOSE	67.43	77.4	193.1	12,100	10.3
CDN	HNX	65.93	12.5	197.4	2,567	9.7
VNS	HOSE	59.85	-	128.5	594	32.1
VFG	HOSE	59.76	50.0	171.3	6,632	6.0
RAL	HOSE	59.13	40.2	276.9	27,066	2.8
HAX	HOSE	57.46	-	192.3	6,275	3.1
SLS	HNX	57.43	23.1	125.3	20,566	6.3
NCT	HOSE	56.42	(9.3)	170.1	8,618	10.2
IMP	HOSE	55.79	78.1	155.0	3,324	17.1
TDM	HOSE	54.41	110.1	146.5	2,831	11.2
SBA	HOSE	53.86	252.7	144.8	3,479	7.0
LIX	HOSE	52.99	162.9	166.7	7,084	6.1
TTA	HOSE	52.45	80.5	186.2	1,441	7.7
MIG	HOSE	50.75	55.9	135.6	1,423	9.5
STK	HOSE	50.13	(19.7)	195.8	3,974	7.6
DMC	HOSE	49.14	26.6	129.1	5,282	8.4
HVT	HNX	47.42	103.7	125.8	13,238	3.7
SMB	HOSE	44.94	124.4	154.0	7,202	5.7
TNH	HOSE	44.18	(26.4)	98.5	2,728	10.0
CLC	HOSE	41.07	10.3	96.7	5,188	6.7
SZL	HOSE	40.12	41.4	79.6	5,729	8.5
TIP	HOSE	39.91	503.4	56.8	2,358	7.4
BVS	HNX	38.09	16.1	102.3	2,761	5.3
PAC	HOSE	37.00	51.6	133.4	4,333	6.8
HT1	HOSE	36.39	-	197.1	656	14.8
PSD	HNX	32.18	(15.6)	97.3	4,999	3.8
FIR	HOSE	32.15	95.0	89.2	3,748	11.6
AGR	HOSE	30.26	32.6	102.0	857	8.4
CAP	HNX	28.55	256.7	66.2	15,736	5.4
S4A	HOSE	27.89	9.4	81.3	3,711	9.6
IDV	HNX	26.89	(44.0)	102.3	7,474	4.9
KPF	HOSE	26.36	293.8	56.2	1,336	7.0
TKU	HNX	25.26	95.6	77.0	2,416	5.0
KDC	HOSE	24.32	(78.7)	329.4	1,860	33.2
BCF	HNX	24.11	6,300.6	97.4	4,368	8.5
VDS	HOSE	24.04	(67.6)	-	(89)	(91.0)
SZC	HOSE	23.32	(65.0)	159.8	2,279	12.9
DHT	HNX	22.84	163.3	60.2	2,997	13.0
CSM	HOSE	22.77	-	49.9	816	18.4
SVI	HOSE	22.74	63.5	83.3	9,003	6.4
NST	HNX	21.41	225.7	-	933	7.3
PMC	HNX	20.37	570.8	60.4	9,045	6.9
SEB	HNX	20.17	831.7	126.0	5,691	7.9
VIT	HNX	20.10	118.2	-	868	22.8
CCL	HOSE	19.93	169.2	46.1	1,408	4.1



Top mua bán ròng khối ngoại trong ngày (tỷ VND)



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	20.8	5,995,200	4.6	1.3	-	-	4,560	16,502
BID	HOSE	36.0	2,040,300	10.6	1.8	899,600	190,700	3,397	19,951
CTG	HOSE	23.6	5,961,800	7.3	1.1	5,041,900	323,300	3,240	22,080
EIB	HOSE	24.2	400,100	10.9	1.5	28,900	-	2,223	16,368
HDB	HOSE	14.8	1,779,000	3.9	0.8	1,232,280	427,690	3,748	18,469
LPB	HOSE	10.7	6,317,800	3.1	0.7	9,830	-	3,454	15,554
MBB	HOSE	16.0	9,550,900	3.5	1.0	2,319,500	2,228,640	4,575	16,742
MSB	HOSE	11.5	3,089,500	3.8	0.7	600	-	3,042	16,888
OCB	HOSE	13.3	2,454,900	5.2	0.8	99,400	252,700	2,568	17,433
SHB	HOSE	10.0	14,782,600	3.1	0.6	326,800	144,200	3,264	15,859
SSB	HOSE	30.1	1,439,300	13.0	2.4	-	18,900	2,318	12,429
STB	HOSE	15.6	13,785,600	7.1	0.8	25,749,100	404,400	2,200	19,595
TCB	HOSE	22.8	4,810,300	3.8	0.7	-	-	6,036	31,246
TPB	HOSE	19.9	2,456,300	4.9	1.0	4,860	241,900	4,084	19,369
VCB	HOSE	75.5	904,300	12.7	2.8	1,578,900	1,248,320	5,936	27,129
VIB	HOSE	17.5	1,822,400	3.6	1.2	2,600	-	4,805	14,460
VPB	HOSE	16.3	12,627,600	3.9	0.7	13,670	733,900	4,196	22,873
BAB	HNX	13.4	7,700	13.5	1.1	70	-	994	11,730
NVB	HNX	14.0	45,500		1.4	-	-	(710)	10,027
VBB	UPCOM	7.9	18,400	6.1	0.6	-	-	1,295	12,860
VAB	UPCOM	7.0	136,700	4.0	0.5	6,600	-	1,766	12,999
SGB	UPCOM	12.8	36,500		1.0	-	-	489	12,713
PGB	UPCOM	15.3	12,000	12.9	1.0	-	-	1,185	14,969
NAB	UPCOM	8.4	267,000			-	-	3,026	18,823
KLB	UPCOM	17.2	5,500	11.9	1.2	-	-	1,443	13,926
BVB	UPCOM	8.5	619,400	11.2	0.6	-	-	758	13,457
ABB	UPCOM	7.1	2,119,300	3.4	0.5	-	-	2,081	13,358
			93,485,900	6.99	1.07	37,314,610	6,214,650	2,814	16,956



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	SZG	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	28/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	NTC	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	FOX	UPCoM	29/11/2022	30/11/2022	30/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	SJG	UPCoM	24/11/2022	25/11/2022	26/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 280 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	RTB	UPCoM	17/11/2022	18/11/2022	2/12/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	E29	UPCoM	16/11/2022	17/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	DNW	UPCoM	14/11/2022	15/11/2022	15/12/2022	Trả cổ tức năm 2022 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	SFC	HOSE	14/11/2022	15/11/2022	5/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NVL	HOSE	11/11/2022	14/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:24.75	Thưởng cổ phiếu
10	SZL	HOSE	10/11/2022	11/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TV4	HNX	9/11/2022	10/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:12	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
12	HAN	UPCoM	4/11/2022	7/11/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 430 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1.0705	Thưởng cổ phiếu
14	RCC	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 1:0.6469, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
15	BTD	UPCoM	3/11/2022	4/11/2022	24/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	PC1	HOSE	1/11/2022	2/11/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
17	CAV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	16/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	ANV	HOSE	31/10/2022	1/11/2022	1/12/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	VEA	UPCoM	28/10/2022	31/10/2022	30/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 4,493.7 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	PNJ	HOSE	28/10/2022	31/10/2022	22/11/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PCT	HNX	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
22	TLP	UPCoM	27/10/2022	28/10/2022	14/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 339 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	SAM	HOSE	27/10/2022	28/10/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:4	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
24	HTN	HOSE	27/10/2022	28/10/2022	25/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	BMP	HOSE	26/10/2022	27/10/2022	1/12/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 3,100 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	AVC	UPCoM	26/10/2022	27/10/2022	7/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	TMX	HNX	26/10/2022	27/10/2022	15/11/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	IDP	UPCoM	25/10/2022	26/10/2022	4/11/2022	Trả cổ tức đợt 1/2022 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931